TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2021
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn P, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà L và bị đơn ông P vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 17/3/2021, quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị Kim L trình bày*:

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Văn P chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Bà L và ông P chung sống thời gian đầu thì hạnh P tuy nhiên sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt, mệt mỏi, vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L làm đơn xin ly hôn với ông P.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông P có 03 con chung tên Lê Hữu N, sinh ngày 20/6/1995; Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 và Lê Mỹ T1, sinh ngày 12/02/2008. Bà L tự nguyện giao con chung tên Lê Mỹ T1, sinh ngày 12/02/2008 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung. Còn 02 con chung tên Lê Hữu N, sinh ngày 20/6/1995; Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu khác.

** Theo bản tự khai ngày 04/5/2021, quá trình tham gia tố tụng ông Lê Văn P trình bày:*

Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Kim L chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian sống chung ông P và bà L có nhiều bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống chung không còn hạnh P. Hiện nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P thì ông P đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông P và bà L có 03 con chung tên Lê Hữu N, sinh ngày 20/6/1995; Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 và Lê Mỹ T1, sinh ngày 12/02/2008. Ông P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Mỹ T1, sinh ngày 12/02/2008 và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi. Còn 02 con chung tên Lê Hữu N, sinh ngày 20/6/1995; Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L, bị đơn ông P có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L đối với bị đơn ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L, bị đơn ông P có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông P. Ông P có hộ khẩu thường trú tại tổ 15, ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà L và bị đơn ông P tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù, bà L và ông P sống chung tự nguyện, không vi phạm điều cấm nhưng đã vi phạm các Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông P là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn, bà L và bị đơn ông P xác định quá trình chung sống bà L và ông P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm, vợ chồng sống chung hay cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ, chồng với ông P và bị đơn ông P cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ, chồng của bà L đối với ông P.

[3.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông P có 03 con chung tên Lê Hữu N, sinh ngày 20/6/1995; Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 và Lê Mỹ T1, sinh ngày 12/02/2008. Bà L tự nguyện giao con chung tên Lê Mỹ T1, sinh ngày 12/02/2008 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung. Còn 02 con chung tên Lê Hữu N, sinh ngày 20/6/1995; Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, bị đơn ông P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Đồng thời, cháu T1 có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với ông P nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T1 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông P về việc không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với 02 con chung tên Lê Hữu N, sinh ngày 20/6/1995; Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn bà L, bị đơn ông P không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Lê Văn P về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con".

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Văn P.

1.2. *Về con chung*: Giao con chung tên Lê Mỹ T1, sinh ngày 12/02/2008 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P về việc không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Lê Hữu N, sinh ngày 20/6/1995; Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 20/02/2000 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Văn P đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0045831 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến